

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Ngữ pháp (224305) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A501**

Mã nhận dạng: 002508

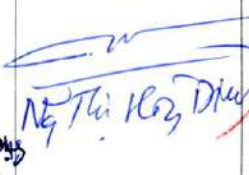
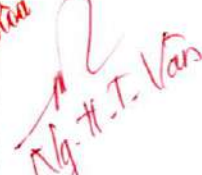
Trang : 1/1

A: 10
H: 0

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Trung	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Thị Hồng Diễm	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Thị Công Phượng	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Thị T. Văn
---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122240126	VÕ THỊ LAN ANH	23/06/2003	CCQ2224LA		476		92	80	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122240154	TRẦN HUỖNH PHÚC BẢO	08/10/2004	CCQ2224LA		364		85	62	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122240125	TRẦN NGUYỄN NHẬT HUY	23/02/2004	CCQ2224LA		129		76	61	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122240122	ĐOÀN TRẦN GIA KHANG	07/10/1999	CCQ2224LA		476		92	70	79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122240127	NGUYỄN NGÔ NHẬT LAM	06/12/2004	CCQ2224LA		364	Lam	71	44	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122240123	LÊ XUÂN PHƯƠNG LINH	10/01/2004	CCQ2224LA		129	Lin	74	37	52	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122240130	HUỖNH NGUYỄN TRÀ MY	10/08/2004	CCQ2224LA		476		87	75	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122240153	HUỖNH NGỌC PHƯƠNG NHƯ	08/11/2004	CCQ2224LA		213		95	87	90	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122050132	BÙI ANH TUẤN	06/10/2004	CCQ2224D		215	Tuan	69	41	52	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122240124	HUỖNH THỊ BÍCH VY	26/12/2003	CCQ2224LA		129		87	66	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Ngữ pháp (224305) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **09/01/2023**

Phòng thi: **A402**

Tổ: **001**

Giờ: **12:30**

D: 24
H: 03

Số SV có mặt: *27*.....

Số bài thi: *27*.....

Số tờ giấy thi: *27*.....

Mã nhận dạng: **002506**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>T. Danh Vĩ</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Lan</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Nguyệt Hương</i>
---------------------------------------	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122240171	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	07/11/2003	CCQ2224F		215	<i>Trâm</i>	8.0	7.3	7.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122240163	TRẦN BÙI VIỆT ANH	23/01/2004	CCQ2224E		364	<i>Việt</i>	6.9	1.4	3.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122240139	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	30/01/2004	CCQ2224E		476	<i>Ánh</i>	7.5	5.8	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122240170	NGUYỄN KIM BẢO	22/11/2004	CCQ2224F							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122240134	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	06/12/1997	CCQ2224E		215	<i>Bích</i>	8.7	5.5	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122240166	TRẦN QUANG BÌNH	30/04/2003	CCQ2224E		364	<i>Bình</i>	7.1	7.7	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122240143	HOÀNG THỊ THU ĐÀO	22/02/2002	CCQ2224E		476	<i>Thu</i>	9.4	9.3	9.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122240175	LÃ THỊ THU HÀ	19/01/2004	CCQ2224F		215	<i>Hà</i>	9.3	5.9	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122240141	NGUYỄN THỊ THU HÀ	23/02/2004	CCQ2224E		364	<i>Hà</i>	8.8	7.0	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122240150	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	13/11/2004	CCQ2224E		476	<i>Hân</i>	8.0	4.5	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122240136	NGUYỄN THỊ NHƯ HOÀI	20/06/2004	CCQ2224E							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122240174	HÀ THANH HUYỀN	10/08/2004	CCQ2224F		364	<i>Huyền</i>	9.0	10.0	9.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122240164	PHẠM GIA KỲ HƯƠNG	27/06/2004	CCQ2224E		476	<i>Hương</i>	6.9	4.8	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122240133	LÂM TRUNG KIẾN	17/10/2004	CCQ2224E		129	<i>Kiến</i>	5.6	5.2	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122240165	LÊ DIỄM KIỀU	04/10/2004	CCQ2224E		215	<i>Kiều</i>	7.9	4.4	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122110030	HUỲNH QUANG LÂM	15/08/2004	CCQ2224F		364	<i>Lâm</i>	7.7	5.8	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122240147	ĐỒNG TÂN MỸ	26/10/2004	CCQ2224E		476	<i>Mỹ</i>	7.5	6.3	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122240151	TRẦN THỊ KIM NGỌC	31/01/2004	CCQ2224E							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122240140	VÕ THỊ MỸ NGỌC	13/12/2004	CCQ2224E		215	<i>Mỹ</i>	7.4	6.6	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122240168	NGÔ ĐỖ DUY NGUYỄN	16/10/2003	CCQ2224F							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002506

Trang : 2/2

Môn học: **Ngữ pháp (224305) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

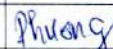
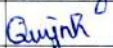
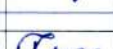
Phòng thi: **A402**

Số SV có mặt: 27.....

Số bài thi: 27.....

Số tờ giấy thi: 27.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240172	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	01/07/2004	CCQ2224F				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122240137	HOÀNG THỊ THÙY NHI	26/08/2004	CCQ2224E		129		8.1	2.5	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122240149	MAI THỊ QUỲNH NHƯ	16/06/2004	CCQ2224E				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122240121	TRẦN ĐẶNG MAI PHƯƠNG	11/10/2002	CCQ2224E		364		8.4	6.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122240167	NGUYỄN LÂM NHƯ QUỲNH	26/09/2004	CCQ2224E		476		7.9	6.4	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122240148	HOÀNG ĐẶNG THẾ TÂN	01/04/2004	CCQ2224E		129		6.3	6.1	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122240169	TỔNG MINH TÂN	28/04/2004	CCQ2224F		215		6.4	5.0	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122240138	HỒ PHƯƠNG THẢO	01/11/2002	CCQ2224E		129		9.2	9.1	9.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122240128	PHẠM TÂN TIẾN	25/05/2004	CCQ2224E		364		7.1	3.3	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
30	2122240132	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	15/04/2004	CCQ2224E		476		5.9	5.3	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122240043	TRẦN NGỌC BÍCH TRÂM	05/03/2003	CCQ2224F				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122110238	NGUYỄN HOÀI TRỌNG	15/05/2004	CCQ2224E		129		8.7	8.3	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122240145	PHẠM YẾN VY	05/10/2003	CCQ2224E		215		6.6	5.0	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122240120	TRẦN HẢI YẾN	19/12/2004	CCQ2224E		364		6.2	6.4	5.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Ngữ pháp (224305) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **09/01/2023**

Phòng thi: **A404**

Tổ: **002**

Giờ: **12:30**

D: 27
H: 01

Số SV có mặt: *28*

Số bài thi: *28*

Số tờ giấy thi: *28*

Mã nhận dạng: **002507**

Trang: **1/2**

Cán bộ coi thi 1 <i>Khu</i> <i>PX U</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Thanh</i> <i>Trình Thị Thanh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ng. Phan</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Nguyệt Hoa</i>
---	--	--------------------------------------	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110334	TRẦN THANH BÌNH	05/08/2003	CCQ2124F				0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122240193	DƯƠNG THỊ BẢO	26/12/2004	CCQ2224F		215	<i>Chào</i>	7.4	4.5	5.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122240181	NGUYỄN THỊ NGỌC	05/01/2004	CCQ2224F		364	<i>Pham</i>	8.6	8.7	8.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110047	DƯƠNG NGUYỄN ANH	22/09/2003	CCQ2124F		476	<i>Dương</i>	8.4	8.7	8.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122240184	LÊ THỊ MỸ	18/10/2004	CCQ2224F		129	<i>Đào</i>	6.5	4.3	5.2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122240182	THÂN NGỌC	08/01/2004	CCQ2224F		215	<i>Hân</i>	9.5	9.2	9.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120240154	NGUYỄN THỊ THANH	13/06/2002	CCQ2024F		364	<i>Hoa</i>	7.5	2.7	3.9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122240186	LÊ ĐỖ QUỐC	04/04/2004	CCQ2224F		476	<i>Hưng</i>	9.5	9.2	9.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122240146	TRẦN THU	20/08/2003	CCQ2224E		129	<i>Thy</i>	7.6	7.4	7.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122240176	HUỖNH QUỐC	02/08/2004	CCQ2224F		215	<i>Quốc</i>	8.7	7.3	7.9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122240183	NGUYỄN THỊ NGỌC	29/05/2004	CCQ2224E		364	<i>Loan</i>	9.3	8.6	8.9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119240300	NGUYỄN VŨ HOÀNG	17/04/2001	CCQ1924K		476	<i>Hoàng</i>	7.1	4.9	5.8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122240189	NGÔ THỊ CẨM	20/12/2003	CCQ2224F		129	<i>Cẩm</i>	6.5	6.2	6.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122240200	HUỖNH THỊ TRÚC	25/10/2004	CCQ2224E		215	<i>Trúc</i>	7.8	6.0	6.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122240209	TRƯƠNG MINH NGUYỆT	15/12/2004	CCQ2224E				0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122240190	LÊ HOÀNG	20/12/2004	CCQ2224F		476	<i>Hoàng</i>	9.4	9.0	9.2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122240192	NGUYỄN THỊ MỸ	11/03/2004	CCQ2224F		129	<i>Mỹ</i>	8.4	7.7	8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122240208	LÊ VIỆT QUÍ	05/04/1999	CCQ2224F				0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120110340	NGÔ HÀ THÁI	13/05/2002	CCQ2024G		364	<i>Thái</i>	8.4	8.9	8.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120240161	VÕ THỊ DIỄM	17/03/2002	CCQ2024F		476	<i>Diễm</i>	7.3	4.8	5.8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002507

Trang : 2/2

Môn học: **Ngữ pháp (224305) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A404**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Khuê</i>	<i>Phan</i>	<i>Nguyễn Văn</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122240188	NGUYỄN KHẮC PHƯỚC	08/09/2000	CCQ2224F				0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122240194	PHẠM KIM PHƯƠNG	19/09/2004	CCQ2224F		215	<i>pho</i>	8.7	6.3	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
23	2122240191	NGUYỄN TRẦN NGỌC	27/06/2004	CCQ2224F		364	<i>nguy</i>	8.2	5.9	6.8	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
24	2122240179	TRẦN LÊ QUỲNH	10/12/2004	CCQ2224F		476	<i>duy</i>	8.2	7.1	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
25	2122240197	LÊ THỊ THU SƯƠNG	10/06/2004	CCQ2224E		129	<i>Suong</i>	9.0	7.7	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
26	2122240177	NGUYỄN THỊ LÊ SƯƠNG	26/01/2004	CCQ2224F		215	<i>Suong</i>	6.9	5.8	6.2	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
27	2122240185	CAO THỊ THANH THẢO	16/07/2004	CCQ2224F		364	<i>Thanh</i>	7.7	6.2	6.8	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
28	2122240178	PHẠM LÊ PHƯƠNG THẢO	13/08/2004	CCQ2224F		476	<i>Phuong</i>	7.1	4.3	5.4	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
29	2122240173	HỒ THỊ XUÂN THÙY	02/10/2004	CCQ2224F		129	<i>Thuy</i>	9.2	8.7	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9
30	2122240195	THÁI KIM PHƯƠNG UYÊN	27/10/2004	CCQ2224F		215	<i>Phuong</i>	9.2	8.1	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
31	2122240187	PHẠM THỊ THÙY VÂN	28/10/2004	CCQ2224F		364	<i>Thuy</i>	7.3	5.1	6.0	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122240180	NGUYỄN THỊ NGỌC VY	04/04/2004	CCQ2224F				0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122240196	HOÀNG THỊ YÊN	17/10/2004	CCQ2224F		129	<i>Yen</i>	9.2	9.9	6.0	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9